

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Số: 284/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bắc Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị Việt - Đức tỉnh Bắc Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ/CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định 26/2013/QĐ-UBND ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 1485/SNV-TCBC&TCPCP ngày 25/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị Việt - Đức tỉnh Bắc Giang đã được Đại hội đại biểu của Hội thông qua ngày 09/12/2017.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan và Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt - Đức tỉnh Bắc Giang căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC.

Bản điện tử:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TKCT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Thanh Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
HỘI HỮU NGHỊ VIỆT NAM – ĐỨC
TỈNH BẮC GIANG KHÓA IV NHIỆM KỲ 2017-2022

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Hữu nghị Việt Nam – Cộng hòa Liên bang Đức tỉnh Bắc Giang.
Tên viết tắt: Hội Hữu nghị Việt – Đức tỉnh Bắc Giang.
2. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: The Vietnam-Germany Friendship of Bacgiang province.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Hữu nghị Việt Nam – Cộng hòa Liên bang Đức tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Hội) là một tổ chức xã hội, là thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và Trung ương Hội hữu nghị Việt Nam- Cộng hòa Liên bang Đức. Hội tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại tầng 3, nhà B, trụ sở Liên cơ quan, quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Bắc Giang, trong lĩnh vực đối ngoại nhân dân.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Nội vụ về tổ chức Hội và Sở Ngoại vụ về lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội. Giới thiệu thông tin về lịch sử, đất nước, con người, nền văn hóa, truyền thống đoàn kết, hữu nghị, sự hợp tác nhiều mặt giữa hai nước Việt Nam- Cộng hòa Liên bang Đức và những thành tựu phát triển nhằm góp phần tăng cường sự hiểu biết giữa nhân dân hai nước. Tổ chức các hoạt động hữu nghị nhân dịp những sự kiện quan trọng trong đời sống xã hội và quan hệ của hai nước.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức và phối hợp với các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, tuyên truyền giới thiệu với nhân dân Đức về Việt Nam, về Bắc Giang, về đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa của Việt Nam vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

5. Tham gia nghiên cứu, khuyến nghị, đề xuất các chính sách và biện pháp về phát triển quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa tỉnh Bắc Giang với các địa phương của Cộng hòa Liên bang Đức.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội. Quan hệ chặt chẽ, thường xuyên với Trung ương Hội hữu nghị Việt Nam- Cộng hòa Liên bang Đức, hoạt động theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương Hội và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Bắc Giang.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên về công tác đối ngoại nhân dân, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III **THÀNH VIÊN - HỘI VIÊN**

Điều 8. Thành viên - Hội viên

1. Các tổ chức, công dân Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội, được Ban Thường vụ Hội chấp thuận là hội viên cá nhân hoặc tổ chức thành viên của Hội Hữu nghị Việt Nam – Cộng hòa Liên bang Đức tỉnh.

2. Các Chi hội Hữu nghị Việt – Đức ở các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn của huyện có đơn xin gia nhập Hội, được Ban Thường vụ công nhận là thành viên tập thể của Hội.

Điều 9. Quyền của thành viên, hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của thành viên, hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên

Khi muốn gia nhập Hội, hội viên phải làm đơn xin gia nhập Hội và được Ban Thường vụ Hội chấp thuận; đối với các Chi hội hữu nghị Việt- Đức ở các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn của huyện thì đơn xin gia nhập Hội do cơ quan thường trực của các tổ chức này quyết định.

2. Thủ tục ra hội

a) Khi muốn ra khỏi Hội, hội viên phải làm đơn xin ra và được Ban Thường vụ Hội chấp thuận; đối với các Chi hội hữu nghị Việt – Đức ở các cơ quan, đơn vị, ban, ngành; các xã, thị trấn thì đơn xin ra khỏi Hội do cơ quan thường trực của các tổ chức này chấp thuận.

b) Vi phạm Điều lệ Hội, bị khai trừ ra khỏi Hội.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn tỉnh.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch.

5. Ban Kiểm tra.

6. Ban Thư ký và Bộ phận chuyên môn.

7. Các tổ chức, thành viên trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Đại hội Đại biểu toàn tỉnh là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, triệu tập 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3(hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2(một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3(hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3(hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3(hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3(hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Số lượng Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của

Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 17. Ban kiểm tra

Ban kiểm tra do Ban chấp hành Hội cử, gồm Trưởng ban và các ủy viên. Số lượng Ủy viên Ban kiểm tra do Ban Chấp hành quy định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

Ban Kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện, chấp hành Điều lệ, Nghị quyết của Hội.

Điều 18. Ban Thư ký và Bộ phận chuyên môn

1. Ban Thư ký Hội do Ban Thường vụ Hội cử, là bộ phận giúp việc của Hội, có nhiệm vụ xử lý các công việc hàng ngày của Hội; tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội và chuẩn bị nội dung cho hội nghị các cơ quan lãnh đạo của Hội. Ban Thư ký Hội có trách nhiệm quản lý và bảo vệ tài sản, tài chính, hồ sơ tài liệu của Hội.

2. Các Ban chuyên môn

Ban Thường vụ quyết định thành lập các Ban chuyên môn (về kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, tổ chức, thông tin, tuyên truyền...) khi cần thiết và có quy định nhiệm vụ cụ thể.

3. Các Chi hội thành viên của Hội ở cơ sở cử ra Ban phụ trách bao gồm: Chi hội trưởng, các Chi hội phó và một Thư ký để lãnh đạo công tác của Chi hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, Nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao;
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.
2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

Hội viên, cán bộ Hội và tổ chức thành viên có thành tích trong công tác hữu nghị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hàng năm và mỗi kỳ Đại hội được khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo các quy định của Nhà nước về Thi đua khen thưởng.

Điều 23. Kỷ luật

Những Hội viên, cán bộ Hội và tổ chức thành viên của Hội vi phạm Điều lệ của Hội, làm ảnh hưởng đến danh dự của Hội, tùy theo mức độ sai phạm bị thi hành kỷ luật theo các hình thức khiển trách, cảnh cáo, xoá tên trong danh sách hội viên.

Ban Chấp hành Hội Hữu nghị Việt Nam – Liên bang Đức quy định nội dung, trình tự, thủ tục, hình thức và thẩm quyền kỷ luật của Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể các Hội viên của Hội mới có thẩm quyền sửa đổi Điều lệ này.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3(hai phần ba) số đại biểu có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này gồm VIII chương, 25 Điều, đã được Đại hội đại biểu Hội hữu nghị Việt Nam – Đức tỉnh Bắc Giang lần thứ IV, nhiệm kỳ 2017-2022 thông qua

ngày 09 tháng 12 năm 2017 và thay thế cho Điều lệ Hội hữu nghị Việt Nam-Liên bang Đức tỉnh Bắc Giang khóa III, nhiệm kỳ 2012-2017 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 15/5/2012; Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt./.